

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26 /2020/HS-ST

Ngày: 18/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC _ TỈNH HOÀ BÌNH
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đình Dũng**
2. Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Dung**. - Bà **Đinh Thị Bằng**.
3. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bình**, Thư ký TAND huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.
4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Mạnh Cơ**, Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLST-HS, ngày 23/6/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 11/8/2020 đối với bị cáo:

BÙI THỊ L, sinh năm 1971. Nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm L, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Giới tính: Nữ; Dân tộc: Mường; Học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Có bố là: **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1936; Mẹ là: **Bùi Thị S** (Đã chết); Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ 4. Có chồng: **Bùi Văn A**, sinh năm 1967 và có 03 con, lớn nhất 31 tuổi, nhỏ nhất 27 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/02/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, được trích xuất, dẫn giải, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- 1/Anh **Bùi Văn K** sinh năm 1971;
 - 2/Anh **Bùi Văn Kh**, sinh năm 1974;
 - 3/Anh **Bùi Văn Ch**, sinh năm 1976;
 - 4/Anh **Bùi Văn Th**, sinh năm 1991;
- Cùng trú tại: Xóm L, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
- 5/Chị **Bùi thị X**, sinh năm 1983;
 - 6/Chị **Bùi Thị Th**, sinh năm 1981;
- Cùng trú tại: Xóm V, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
- 7/Chị **Bùi Thị Ch**, sinh năm 1987;
- Trú tại: Xóm L, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;

8/Chị **Bùi Thị D**, sinh năm 1986;
9/Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1986;
Cùng trú tại: Xóm T, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
10/Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1987;
Trú tại: Xóm Ng, xã M, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
11/Anh **Đinh Công B**, sinh năm 1985;
Trú tại: Xóm T, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình;
12/Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1977;
Trú tại: Xóm K, xã Ph, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2016, Bùi Thị L có đi buôn bán mận từ huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La lên khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình buôn bán, Bùi Thị L có quen một người đàn ông tên M, không biết rõ họ tên và địa chỉ cụ thể mà chỉ biết M đang làm việc tại Trung Quốc. Trong thời gian quen biết: L và M có trao đổi số điện thoại với nhau, do vậy đến khoảng tháng 7/2018, M gọi điện cho L hỏi công việc làm ăn như thế nào? L trả lời hiện tại đang không có việc làm và L hỏi M có việc gì thì cho L làm cùng; được M nói về việc làm thuốc lá ở bên Trung Quốc, tiền công tháng từ 10.000.000đ (Mười triệu đồng) - 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). “*Khi đi không phải chuẩn bị tiền cũng như làm giấy tờ, thủ tục gì, chi phí đi lại M ứng ra trước sau đó sẽ trừ dần vào tiền công hàng tháng*”. Do ở nhà không có việc làm nên L đã đồng ý đi làm. M có nói với L: “*Nếu muốn đi làm thì tìm thêm người để cùng đi*” và hứa “*Nếu công việc thuận lợi thì khi về M sẽ trả tiền công cho L. Trước khi đi thì gọi điện thoại trước cho M để M thuê xe đón từ Tân Lạc, Hòa Bình đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn*”. Vì bản thân cũng muốn đi làm bên Trung Quốc nên Bùi Thị L có gặp 12 người trong và ngoài xã Ph, huyện Tân Lạc để nói chuyện sắp tới sẽ đi sang Trung Quốc làm thuốc lá như M đã nói và rủ họ cùng đi, đó là: *Bùi Văn K; Bùi Văn Kh; Bùi Văn Ch (đều là em ruột của Bùi Thị L); Bùi Văn Th, Bùi Thị Th, Bùi Thị X, Bùi Thị Ch, Bùi Thị D, Bùi Văn Đ, Bùi Thị H, Đinh Công B và Bùi Thị T.*

Bùi Thị L cũng truyền đạt lại ý kiến của M đã nói là “*Khi đi không phải chuẩn bị tiền cũng như làm giấy tờ, thủ tục gì, chi phí đi lại M ứng ra trước sau đó sẽ trừ dần vào tiền công hàng tháng*” và hẹn mọi người ngày 11/8/2018 sẽ đi sang Trung Quốc. Trước khi đi thì Bùi Thị L có điện thoại cho M thông báo ngày 11/8/2018 L và 12 người nữa sẽ sang Trung Quốc lao động, L cho M địa chỉ nhà để M thuê xe đến đón cả đoàn cùng đi.

Do không có tiền nên Đinh Công B, Bùi Thị Th, Bùi Thị X, Bùi Văn Đ đã hỏi và được Bùi Thị L cho mỗi người vay 1.000.000đ (Một triệu đồng) để đưa cho người nhà chi tiêu, sinh hoạt. Tối ngày 11/8/2018, số người nêu trên tập trung tại nhà L. L bảo với

những người cùng đi nói với gia đình đi làm ở khu vực biên giới không nói làm bên Trung Quốc, vì nếu gia đình gọi điện, không liên lạc được sẽ lo lắng.

Khoảng 20 giờ cùng ngày xe đến đón chở L và 12 người cùng đi. Đến khoảng 22 giờ ngày 11/8/2018, đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn.

Sáng 12/8/2018 L và mọi người ăn sáng tại đây, chi phí do L trả hết 400.000đ (*Bốn trăm nghìn đồng*). Sau khi ăn sáng xong, L gặp người đàn ông Trung Quốc nói tiếng Việt Nam đến hỏi có phải đoàn sang làm cho M ở Trung Quốc không, L trả lời phải. Sau đó, người đàn ông này trả tiền xe cho người lái xe đã đưa L cùng 12 người từ nhà L lên tỉnh Lạng Sơn và đưa cả đoàn lên xe ô tô đi vào khu vực biên giới.

Khoảng 6 giờ, ngày 12/8/2018 người này dẫn đoàn người đi bộ qua đường tắt, lối mòn sang lãnh thổ Trung Quốc và tiếp tục đưa đoàn lên xe ô tô đi sâu vào nội địa Trung Quốc, đến tỉnh Phúc Kiến thì gặp M. Cả đoàn ở tại nhà M khoảng 07 ngày thì được chia theo các tổ, mỗi tổ khoảng 03 đến 04 người đi làm tại các xưởng khác nhau. Bùi Thị L được phân công nấu cơm tại khu vực gần nhà M, còn những người khác thì vào trong rừng làm công việc sản xuất thuốc lá. Làm được 19 ngày, Bùi Thị L xin M cho về Việt Nam vì sợ phải vào trong rừng làm như những người khác. Trước khi về Việt Nam, M đưa cho L số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) là tiền công đưa 12 người sang Trung Quốc lao động cho M như M đã hứa từ trước.

Sau khi L về nhà được khoảng mấy ngày thì M gọi điện thông báo K và B cũng muốn về; L nói nếu họ muốn về thì cho về. Kh và B về đến Hòa Bình thì L thuê taxi chở B và Kh về nhà vào ngày 13/9/2018. Khoảng 10 ngày sau, M tiếp tục gọi điện nói Đ, Th, Ch cũng muốn về và L cũng nói cho về. Khi Đ, Th, Ch về đến bến xe Yên Nghĩa, L thuê xe ra đón 03 người về nhà ngày 23/9/2018. Đến khoảng giữa tháng 10/2018, M gọi điện thông báo số người còn lại là D, K, Ch, Th, H và T cũng muốn về. L thuê xe lên Lạng Sơn đón tất cả về nhà. Trên đường về L đưa cho D 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) để mua quà cho con của D.

Do làm ở Trung Quốc được thời gian ngắn, một số người trong quá trình làm đã ứng tiền từ M để chi tiêu, sinh hoạt. Mặt khác tiền công đã trừ vào tiền chi phí đi lại từ Việt Nam sang Trung Quốc nên những người được L đưa sang Trung Quốc lao động khi về không được M trả tiền công. Đối với Bùi Thị X, quá trình lao động tại Trung Quốc, ngày 12/9/2018, Bùi Thị X bị Công an Trung Quốc bắt giữ vì không có giấy tờ nhập cảnh vào Trung Quốc. Đến ngày 23/9/2019 X được Công an Trung Quốc đẩy đuổi về Việt Nam qua đường tắt, lối mòn không làm thủ tục xuất nhập cảnh qua khu vực cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi mọi người đã về Việt Nam, vì lo sợ những người được L đưa sang Trung Quốc viết đơn tố giác nên L đã đến nhà Bùi Thị Y (*chị gái của Bùi Thị X*) đưa số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) cho Y để hỗ trợ cho con của X ăn học, vì trước khi đi X gửi con cho Y ở nhà chăm sóc. Tiếp đó L đến nhà Bùi Thị Th, Bùi Văn Đ đưa cho mỗi người 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) để Th và Đ không viết đơn tố giác L về việc đưa họ sang Trung Quốc.

Tuy nhiên, do nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 20/02/2020 Bùi Thị L đã đến Cơ quan an ninh điều tra, Công an tỉnh Hòa Bình đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-PI, ngày 16/6/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố Bùi Thị L về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”, theo khoản 3 điều 349 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

Bị cáo Bùi Thị L thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ phản ánh trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc được phân công giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Bùi Thị L từ 07 năm đến 08 năm tù. Đề nghị truy thu số tiền 3.000.000 đ thu lời bất chính từ bị cáo xung công quỹ nhà nước. Tịch thu phát mai xung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại. Không áp dụng hình phạt phụ với bị cáo. Đề nghị bác yêu cầu đòi 5.000.000 đ của Bùi Thị Th. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với người có tên “M” và người đàn ông dẫn đoàn qua biên giới, do chưa xác định được nhân thân, lý lịch, quê quán và địa chỉ sinh sống nên Viện kiểm sát chưa đề nghị xử lý ở vụ án này. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hòa Bình sẽ tiếp tục điều tra làm rõ; khi làm rõ sẽ xử lý bằng vụ án khác.

Đối với những người được Bùi Thị L đưa sang Trung Quốc lao động, đã có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý xuất, nhập cảnh. Nhưng do hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn, trình độ nhận thức hạn chế, khi biết thông tin Bùi Thị L có thể đưa người đi lao động ở Trung Quốc với mức lương cao, không phải chuẩn bị tiền, làm thủ tục giấy tờ gì nên đã đồng ý để L tổ chức đưa đi lao động trái phép, mục đích là để kiếm tiền nuôi bản thân, gia đình. Viện kiểm sát không đề cập xử lý đối với những người này.

Với 12 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm như sau: Tất cả đều là người lao động. Biết thông tin Bùi Thị L có người bạn bố trí được việc làm có thu nhập thường xuyên, ổn định mà không phải lo toan gì nên cùng đồng ý để L đưa đi mong có thu nhập về cho bản thân và gia đình. Không ai biết đi qua biên giới lao động theo đường tiểu ngạch là vi phạm pháp luật. Bùi Thị L cũng cùng sang lao động mong có thu nhập. Tuy nhiên, do đi xa, lao động vất vả, không chịu đựng được nên tất cả lần lượt xin về. Quá trình làm bên Trung quốc tất cả chỉ được lo cho ăn và nghỉ còn tiền công đã được trừ vào chi phí đưa đón, đi lại. Nay L đã đưa được tất cả về nhà, nên đều không có ý kiến và không đòi hỏi gì. Mong Tòa xem xét giảm nhẹ cho Bùi Thị L theo pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra; kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:*

Bùi Thị L có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Năm 2018, do quen biết móc nối được với một người đàn ông Trung Quốc tên gọi là M, được M giới thiệu công việc đi làm thuốc lá thuê (Lương tháng từ 10-12 triệu). Tuy không có chức năng tuyển dụng lao động đi làm việc tại nước ngoài nhưng L đã thực hiện hành vi tổ chức cho 12 người là: Bùi Văn K, Bùi Văn Kh, Bùi Văn Ch, Bùi Văn Th, Bùi thị X, Bùi Thị Th, Bùi Thị Ch, Bùi Thị D, Bùi Văn Đ, Bùi Thị H, Đinh Công B, Bùi Thị T trốn sang Trung Quốc làm việc trong hơn một tháng trái phép để được hưởng tiền công với số tiền 3 triệu đồng. Hành vi trên của Bùi Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Bị cáo Bùi Văn L là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc mình không có chức năng, tuyển lao động và đưa người ra nước ngoài là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do không có việc làm và thu nhập; được đối tác hứa trả công; muốn làm việc nhẹ nhàng mà vẫn có thu nhập cao, hám lời nên L đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của Bùi Thị L là rất nguy hiểm cho xã hội; Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, gây mất trật tự trị án xã hội, làm mất ổn định đời sống nhân dân. Hành vi đó là một trong những nguyên nhân gây nên những hậu quả khôn lường về an ninh biên giới; trật tự an toàn xã hội, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm ... của người khác. Bởi vậy: Hội đồng xét xử thấy: Cần phải có một mức án thật nghiêm khắc bằng cách: Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo biết trân trọng giá trị của cuộc sống, tôn trọng và tuân thủ pháp luật để trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo Bùi Thị L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bùi Thị L thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Bùi Thị L còn có các tình tiết giảm nhẹ như: Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã tự giác ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Hơn nữa bị cáo là người dân tộc thiểu số cũng vì hoàn cảnh khó khăn, thiếu hiểu biết mà đưa người khác đi làm với mục đích mưu sinh, nuôi gia đình (Trong đó có 03 em ruột). Bị cáo còn tự nguyện hỗ trợ cho người lao động bớt khó khăn trên cơ sở tình người. Tất cả những người bị cáo đưa đi nước ngoài trái phép đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết được xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là có căn cứ.

[6] *Về vật chứng của vụ án*: Vật chứng thu giữ là 01(Một) điện thoại Sam sung màu xanh cũ đã qua sử dụng; số kiểu máy SM-J410F/DS số IMEL 1: 353793100711384/01; số IMEL 2: 353794100711382/01; 01 (Một) sim điện thoại VIETEL số thuê bao 0334.406.999, được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 19/6/2020 tại chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc là công cụ Len dùng liên lạc “ Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” trái phép vẫn còn giá trị sử dụng: Cần tịch thu, phát mại xung công quỹ nhà nước. Số tiền 3.000.000đ bị cáo nhận được từ M, tại phiên tòa sau khi phân tích bị cáo thừa nhận số tiền này được hiểu là tiền trả công cho bị cáo đưa người đi lao động. Vì vậy cần truy thu xung công quỹ nhà nước.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Bùi Thị L cho Bùi Thị Th, Đinh Công B, Bùi Văn Đ, Bùi Thị X mỗi người vay 1.000.000đ (Một triệu đồng) trước khi trốn sang Trung Quốc lao động, L cũng đã hỗ trợ Bùi Thị Y là chị gái của Bùi Thị X 2.000.000 đ để chị Y lo cho con X ăn học; hỗ trợ thêm cho Bùi Thị Th, Bùi Văn Đ 2.000.000 đ; hỗ trợ D 500.000 đ mua quà cho con nhưng không yêu cầu họ phải trả lại cho L. Bùi Thị Th là người được Bùi Thị L đưa sang Trung Quốc lao động đề nghị L phải bồi thường số tiền công làm ở Trung Quốc là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), còn những người khác không đề nghị Len phải bồi thường số tiền công khi họ lao động tại Trung Quốc.

Tuy nhiên, khi thấy Bùi Thị Th đòi tiền công lao động, gia đình Bùi Thị L đã tự nguyện hỗ trợ thêm cho Thu 2.000.000 đ và Th có đơn xin giảm nhẹ cho L và không yêu cầu gì thêm nữa. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, tòa không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tuyên bố**: Bị cáo Bùi Thị L phạm tội “*Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài*”.
2. **Về điều luật áp dụng và hình phạt**: Áp dụng khoản 3 Điều 349 điểm “s” khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 07 năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/02/2020.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại, xung công quỹ nhà nước: 01(Một) điện thoại Sam sung màu xanh cũ đã qua sử dụng; số kiểu máy SM-J410F/DS số IMEL 1: 353793100711384/01; số IMEL 2: 353794100711382/01; 01 (Một) sim điện thoại VIETEL số thuê bao 0334.406.999, được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 18 ngày 19/6/2020 tại chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc.

Truy thu từ Bùi Thị L 3.000.000 đ xung công quỹ nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Thị L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết kết quả xét xử

Án xử công khai, có mặt đầy đủ bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc
- Chi Cục THADS huyện Tân Lạc;
- Công an huyện Tân Lạc; (Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hòa Bình)
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan..
- CA, UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Lưu HSVA + HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Đình Dũng